|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY**  **­­­** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 328 /TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 13 tháng 12 năm 2016* |

**TỜ TRÌNH**

**Về Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn**

**giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy.

Thực hiện Quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2014 và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ vê Kế hoạch đâu tư công trung hạn và hằng năm, Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy kính trình Hội đồng nhân dân huyện Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, như sau:

**1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật Đầu tư công, việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là cơ cơ để Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, chỉ đạo các ngành và các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của huyện.

**2. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng Nghị quyết**

**2.1. Mục đích**

Đưa ra danh mục các chưong trình, dự án (nhiệm vụ) và mức vốn bố trí cho từng dự án (nhiệm vụ) theo từng nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn, đồng thời đề xuất một số giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện để Hội đông nhân dân huyện quyết định, làm cơ sở cho UBND huyện tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện.

**2.2. Quan điểm**

Dự thảo Nghị quyết phải tuân thủ theo các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của Trung ương; việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án phù hợp với các quy hoạch và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020.

**3. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết**

Nghị quyết gồm có 3 Điều, nội dung cơ bản của các điều như sau:

- Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện Sa Thầy, trong đó quy định một số nội dung như: Mục tiêu, phương hướng đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020; Tổng mức vốn đầu tư trung hạn, nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020; Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Thứ tự ưu tiên trong công tác phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

- Điều 2: Quy định các nội dung liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo, điều hành một số nội dung công việc để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trong thời gian giữa các kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện.

- Điều 3: Quy định các nội dung liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện liên qua đến công tác phân bổ kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đối với các nguồn vốn của Trung ương do tỉnh quản lý (vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM) và vốn trái phiếu Chính phủ.

- Điều 4: Tổ chức thực hiện

*(Có dự thảo Kế hoạch và Nghị quyết kèm theo).*

Trên đây là Tờ trình về Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Sa Thầy, kính trình Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy xem xét, quyết nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - Lưu: VT-LT. | TM. UỶ BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH  (Đã ký)  Nguyễn Ngọc Sâm |

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY**  **­­­** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 và năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 2020 tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định 1506/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum,

Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện Sa Thầy như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Căn cứ Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ huyện Sa Thầy; Nghị quyết của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; Kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011-2015; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020 và các Quy hoạch phát triển ngành. Trên cơ sở tình hình thực tế và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 huyện Sa Thầy, UBND huyện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 với những nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu chính phủ giai đoạn 2011-2015

Trong giai đoạn 2011-2015, do tác động của kinh tế thế giới, giá các mặt hàng nông sản giảm mạnh; thiên tai, dịch bệnh diễn ra trên diện rộng; trong khi đó Chính phủ đẩy mạnh cắt giảm chi tiêu và đầu tư công để thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát nên ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nhưng với sự hỗ trợ đắc lực của tỉnh, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành của huyện đã huy động, khai thác triệt để các nguồn thu để ưu tiên cho đầu tư phát triển, tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng nên đã góp phần lớn cho tăng trưởng kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội. Hạ tầng trung tâm huyện đã có nhiều thay đổi làm động lực cho sự phát triển chung của huyện, bộ mặt và đời sống người dân nông thôn đã có nhiều tiến bộ. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, giai đoạn 2011-2015 là 536.832 triệu đồng, cụ thể:

***ĐVT: triệu đồng***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn vốn** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Thực hiện 2011** | **Thực**  **hiện 2012** | **Thực**  **hiện 2013** | **Thực hiện 2014** | **Thực hiện 2015** |
|  | **Tổng số** | **536.832** | **79.728** | **64.617** | **133.489** | **142.448** | **116.550** |
| I. | Ngân sách nhà nước | 257.381 | 36.958 | 58.843 | 61.645 | 50.761 | 49.174 |
| 1. | Vốn ngân sách địa phương | 106.530 | 14.363 | 14.006 | 27.630 | 30.300 | 20.231 |
| - | Nguồn cân đối NSĐP | 36.763 | 6.032 | 9.388 | 7.538 | 7.925 | 5.880 |
| - | Thu tiền sử dụng đất | 13.374 | 4.175 | 928 | 1.078 | 1.621 | 5.572 |
| - | Khác (XSKT, phí, lệ phí, tín dụng) | 56.393 | 4.156 | 3.690 | 19.014 | 20.754 | 8.779 |
| 2. | Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và các Chương trình MTQG | 145.087 | 20.687 | 44.837 | 32.702 | 19.839 | 27.022 |
| 3. | Vốn nước ngoài (ODA) (\*) | 5.764 | 1.908 | - | 1.313 | 622 | 1.921 |
| II. | Vốn trái phiếu Chính phủ | 279.451 | 42.770 | 5.774 | 71.844 | 91.687 | 67.376 |

2. Tình hình huy động và sử dụng kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước

*-* Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: Tổng nguồn vốn tín dụng vay ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện Chương trình đầu tư kiên cố hóa kênh mương và xây dựng đường giao thông nông thôn giai đoạn 2011-2015 là 25.156 triệu đồng. Thực hiện và giải ngân trong giai đoạn 2011-2015 là 25.156 triệu đồng. Đặc biệt trong 02 năm 2014, 2015 địa phương đã sử dụng nguồn vốn này lồng ghép để thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới. Tổng dư nợ các khoản vốn vay tín dụng đầu tư phát triển thực hiện đến ngày 31/12/2015 là 25.156 triệu đồng.

-Vốn tín dụng chính sách xã hội: Tổng dư nợ các khoản cho vay tín dụng thực hiện các chính sách cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay học sinh, sinh viên, cho vay xuất khẩu lao động... thực hiện đến 31/12/2015 là 256.261 triệu đồng.

Chi tiết về tình hình huy động và giải ngân các nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển và vốn tính dụng chính sách xã hội như sau:

***ĐVT: triệu đồng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nguồn vốn huy động** | **Kế hoạch giai đoạn 2011-2015** | **Giải ngân giai đoạn 2011 -2015** |
|  | **Tổng số** | **281.417** | **281.417** |
| 1. | Vay đầu tư Chương trình KCHKM, đường GTNT | 25.156 | 25.156 |
| 2. | Vốn tín dụng chính sách xã hội | 256.261 | 256.261 |
| a. | Cho vay hộ nghèo thiếu vốn sản xuất kinh doanh | 102.978 | 102.978 |
| b. | Cho vay hộ cận nghèo theo QĐ 15/2003/QĐ-TTg | 16.260 | 16.260 |
| c. | Cho vay HSSV theo QĐ 157/2007/QĐ-TTg | 5.681 | 5.681 |
| d. | Cho vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm theo theo QĐ 7l/2005/QĐ-TTg | 10.944 | 10.944 |
| e. | Cho vay Chương trình NS&VSMT nông thôn theo QĐ 62/2004/QĐ-TTg | 26.033 | 26.033 |
| f. | Cho vay hộ gia đình SXKD tại VKK theo QĐ 3l/2007/QĐ-TTg | 83.753 | 83.753 |
| g. | Cho vay hộ đồng bào DTTS ĐBKK theo QĐ 54/2012/QĐ-TTg | 903 | 903 |
| h. | Cho vay đồng bào DTTS và hộ nghèo theo QĐ 755/QĐ-TTg | 2.535 | 2.535 |
| i. | Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg | 3.640 | 3.640 |
| j. | Cho vay Thương nhân tại VKK theo QĐ 92/2009/QĐ-TTg | 1.534 | 1.534 |
| k. | Cho vay hộ mới thoát nghèo | 2.000 | 2.000 |

II. Kết quả đầu tư phát triển tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2011-2015

. Lĩnh vực kinh tế

Với tác động từ các nguồn vốn đầu tư phát triển và hiệu quả đầu tư từ các chương trình, dự án của huyện nên đã góp phần tích cực trong phát triển kinh tế của huyện giai đoạn qua, cụ thể:

Kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao, bình quân đạt 16,15% năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng lên từ 9,53 triệu đồng năm 2010 lên 22,48 năm 2015 (tăng 2,36 lần). Giá trị sản xuất hàng năm tăng trưởng khá, từ 1.505,06 triệu đồng năm 2010 lên 2.233,226 triệu đồng năm 2015, bình quân giai đoạn 2010-2015 tăng 10,11%. Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn năm 2015 đạt 87.827 triệu đồng, vượt 44.827 triệu đồng so với mục tiêu đề ra (tăng 2,04 lần kế hoạch); tăng 29.824 triệu đồng so năm 2011. Tài nguyên đất đai khai thác hiệu quả, hạ tầng thị trấn và nông thôn đã thay đổi mạnh.

**2. Lĩnh vực văn hóa xã hội**

- Chất lượng giáo dục tiếp tục nâng lên; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông, đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng cao, phân luồng học sinh sau THCS cũng được chú trọng. Hệ thống mạng lưới trường lớp từng bước được đầu tư, mở rộng([[1]](#footnote-2)); các xã, thị trấn đều có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động đến lớp đạt từ 98%. Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%. Duy trì sĩ số học sinh đến cuối năm học đạt 99%. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ được duy trì, giữ vững; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở được đẩy mạnh. Đã công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi ở 11/11 xã, thị trấn. Toàn huyện có 11 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Mạng lưới y tế cơ sở được chú trọng đầu tư([[2]](#footnote-3)); nhiều công trình đã được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đội ngũ cán bộ y tế không ngừng lớn mạnh([[3]](#footnote-4)), tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ được chấn chỉnh và cải thiện. Công tác y tế dự phòng được triển khai tích cực; dân số - kế hoạch hóa gia đình được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt; dịch bệnh được khống chế và đẩy lùi, không để xảy ra trên diện rộng. Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đã triển khai mạnh mẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân.

- Văn hóa - Thể thao có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng nâng lên. Thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở đã được chú trọng([[4]](#footnote-5)). Phong trào tập luyện thể dục thể thao trong quần chúng được duy trì, nhiều môn thể thao dân tộc được bảo tồn và phát triển([[5]](#footnote-6)).

- Lao động và việc làm có nhiều chuyển biến tích cực, công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện; hệ thống các trường dạy nghề được nâng cấp, mở rộng và phát triển([[6]](#footnote-7)).

- Công tác giảm nghèo được thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả([[7]](#footnote-8)); tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân đạt 5,64%/năm, từ 50,78% đầu năm 2011 xuống 19,16% cuối năm 2015([[8]](#footnote-9)). Việc lồng nghép các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ sản xuất đã thực hiện tốt. Hạ tầng nông thôn các xã đặc biệt khó khăn đã có nhiều thay đổi([[9]](#footnote-10)), nhiều chính sách hỗ trợ cho người dân phát huy hiệu quả, đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Các chính sách dân tộc được triển khai đồng bộ đã góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số, thay đổi diện mạo nông thôn miền núi([[10]](#footnote-11)). Giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số đã đạt nhiều tiến bộ([[11]](#footnote-12)). Các dịch bệnh ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được khống chế([[12]](#footnote-13)).

**3. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt. Các chất thải rắn ở đô thị đã được thu gom, xử lý. Thực hiện tốt công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện cho tổ chức và hộ gia đình, rút ngắn thời gian thủ tục hành chính xuống còn 50% so với Quyết định 633/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 29/12/2014.

- Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tăng cường; hoạt động khoáng sản được tổ chức thực hiện theo các quy định mới([[13]](#footnote-14)). Ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã được triển khai thực hiện.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục, phù hợp với thực tế và có tính khả thi. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đạt được kết quả quan trọng. Bộ máy hành chính hoạt động tích cực, hiệu lực, hiệu quả trong bộ máy hành chính được nâng lên. Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí có nhiều tiến bộ.

**III. Những tồn tại của đầu tư công tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2011-2015**

Bên cạnh những kết quả đạt được, do tác động của đầu tư công đem lại thì nên có những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện, cụ thể:

Công tác xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa đảm bảo, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện; mâu thuẫn giữa quy hoạch và đầu tư, không dự báo được nguồn lực để triển khai quy hoạch dẫn đến quy hoạch treo. Nhiều dự án dở dang, kéo dài tiến độ, không cân đối được vốn đầu tư, gây nợ đọng xây dựng cơ bản. Việc đầu tư còn dàn trải, manh mún, chưa tạo động lực cho sự phát triển chung của huyện. Hạ tầng tại trung tâm huyện và trung tâm các xã chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Công tác quản lý đầu tư, quản lý chất lượng còn nhiều yếu kém, chất lượng một số dự án còn thấp, hiệu quả chưa cao. Việc huy động các nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, chưa tạo được sự bứt phá trong thu hút đầu tư. Nguồn vốn đầu tư phát triển chỉ tập trung vào đầu tư cơ sở hạ tầng, tỷ trọng đầu tư cho sản xuất còn thấp.

Những khuyết điểm tồn tại trên do nhiều nguyên nhân, cụ thể: Là huyện nghèo, xuất phát điểm thấp, địa bàn rộng, chia cắt, dân cư phân tán, suất đầu tư lớn. Trong khi đó các nguồn thu tại chỗ không lớn, chủ yếu là hỗ trợ của tỉnh. Bên cạnh đó, công tác lập quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch, việc lựa chọn các dự án đầu tư còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, công tác xây dựng và phân bổ vốn chưa hợp lý, để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản lớn. Trách nhiệm cơ quan quản lý về đầu tư chưa cao, năng lực quản lý điều hành còn thấp. Cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư chưa mạnh mẽ dẫn đến kéo dài thủ tục, chậm tiến độ, phối hợp giữa các ngành, các cấp trong đầu tư chưa tốt, tình trạng lãng phí, tham ô vẫn còn tồn tại.

**B. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 HUYỆN SA THẦY**

**I. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Mục tiêu**

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã đề ra.

**2. Phương hướng**

* Tập trung đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, các dự án giao thông, sinh hoạt cộng đồng... tại trung tâm huyện; dự án các xã đặc biệt khó khăn, các dự án đầu tư xây dựng các xã để hoàn thành tiêu chí nông thôn mới theo Nghị quyết đề ra; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.
* Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư.
* Bố trí vốn để xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản năm 2017 và từng bước hoàn trả vốn ứng trước ngân sách.

Việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đầu tư cho các ngành, lĩnh vực, các chương trình phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

II. TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN HUYỆN SA THẦY GIAI ĐOẠN 2016-2020

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Sa Thầy là 133.941 triệu đồng, trong đó: phân bổ chi tiết để thực hiện các dự án là 127.789 triệu đồng và dự phòng để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công là 6.152 triệu đồng. Gồm các nguồn vốn như sau:

***ĐVT: triệu đồng***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TTT** | **Nguồn vốn** | **KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 tỉnh giao** | | | **KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện giao** | | |
| **Tổng số** | **Phân bổ thực hiện** | **Dự phòng** | **Tổng số** | **Phân bổ thực hiện** | **Dự phòng** |
|  | Tổng số | 101.080 | 96.316 | 4.764 | 133.941 | 127.789 | 6.152 |
| **I** | Vốn đầu tư trong cân đối NSĐP | 101.080 | 96.316 | 4.764 | 114.960 | 108.808 | 6.152 |
| 1. | Vốn đầu tư cân đối NSĐP theo tiêu chí | 81.810 | 77.658 | 4.152 | 81.810 | 77.658 | 4.152 |
| + | Phân cấp cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND | 41.520 | 37.368 | 4.152 | 41.520 | 37.368 | 4.152 |
| + | Phân cấp đầu tư các xã biên giới (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới) | 10.000 | 10.000 | 0 | 10.000 | 10.000 |  |
| + | Phân cấp thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg | 950 | 950 | 0 | 950 | 950 |  |
| + | Phân cấp đầu tư các xã trọng điểm đặc biệt khó khăn (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM) | 1.700 | 1.700 | 0 | 1.700 | 1.700 |  |
| + | Phân cấp đầu tư các công trình giáo dục (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM) | 7.640 | 7.640 | 0 | 7.640 | 7.640 |  |
| + | Phân cấp hỗ trợ, bổ sung khác | 20.000 | 20.000 | 0 | 20.000 | 20.000 |  |
| 2. | Nguồn thu tiền sử dụng đất | 6.120 | 5.508 | 612 | 20.000 | 18.000 | 2.000 |
| 3. | Nguồn thu xổ số kiến thiết | 13.150 | 13.150 | 0 | 13.150 | 13.150 |  |
| + | Phân cấp đầu tư các công trình giáo dục (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM) | 6.410 | 6.410 |  | 6.410 | 6.410 |  |
| + | Phân cấp đẩu tư công trình nhà văn hóa, thể thao huyện | 6.740 | 6.740 |  | 6.740 | 6.740 |  |
| **II.** | Bố trí trả nợ, chuyển tiếp, khởi công mới các công trình từ nguồn kết dư, dự phòng, khác, vượt thu… |  |  |  | 18.981 | 18.981 |  |

III. NGUYÊN TẮC PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Việc phân bổ kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tổng thế phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020 của huyện, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tương Chính phủ, Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các ngành của huyện và địa phương.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

5. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bố trí đủ vốn đối ứng cho các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và tỉnh. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện; các vùng đặc biệt khó khăn; cơ sở hạ tầng trung tâm huyện; hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

7. Bố trí đủ vốn đã cam kết sử dụng từ ngân sách địa phương để đối ứng vào các dự án được ngân sách cấp trên đầu tư hoàn thành dự án đúng tiến độ.

IV. THỨ TỰ ƯU TIÊN TRONG CÔNG TÁC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi các khoản ứng trước theo quy định; bố trí vốn để trả nợ các khoản vay đến hạn phải trả. Không bố trí vốn ngân sách nhà nước để thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31/12/2014.

2. Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

3. Khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, trường hợp còn vốn sẽ xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới.

4. Sau khi cân đối các nguồn thu đủ để bố trí các dự án nêu trên, căn cứ khả năng nguồn vốn sẽ triển khai một số dự án khác do UBND huyện trình Thường trực HĐND xem xét, quyết định và báo cáo HĐND huyện kỳ họp gần nhất.

V. DỰ KIÉN DANH MỤC VÀ BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 CHO TỪNG DỰ ÁN (CHỈ TÍNH PHÂN PHÂN BỔ CHI TIẾT)

1. Đối với các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (127.789 triệu đồng)

Tổng các nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được UBND tỉnh dự kiến giao (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương, vốn XDCB tỉnh không phân cấp) 96.316 triệu đồng; địa phương dự kiến giao 127.789 triệu đồng (tăng hơn so với mức vốn được Tỉnh giao là 31.473 triệu đồng). Phương án phân bổ cụ thể từng nguồn vốn như sau:

1.1. Vốn đầu tư phát triển thuộc cân đối ngân sách địa phương (108.808 triệu đồng):

1.1.1. Vốn đầu tư cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg là 77.658 đồng, gồm:

Vốn phân cấp cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND 37.368 triệu đồng([[14]](#footnote-15)) gồm:

- Phân cấp đầu tư các xã biên giới (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới): 10.000 triệu đồng;

- Phân cấp thực hiên Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ: 950 triệu đồng;

- Phân cấp đầu tư các xã trọng điểm đặc biệt khó khăn (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới): 1.700 triệu đồng;

- Phân cấp đầu tư các công trình giáo dục (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới): 7.640 triệu đồng;

- Phân cấp hỗ trợ, bổ sung khác: 20.000 triệu đồng.

1.1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất (18.000 triệu đồng) tăng so với tỉnh giao 12.492 triệu đồng

Phần tăng thêm so với tỉnh giao, trên cơ sở nhu cầu thực tế sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn trong giai đoạn 2016-2020.

**1.1.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết**

Tổng nguồn thu xổ số kiến thiết dự kiến phân bổ để thực hiện các dự án trong giai đoạn 2016-2020 là 13.150 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí để đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo (lồng ghép thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dụng nông thôn mới): 6.410 triệu đồng.

- Đầu tư công trình nhà sinh hoạt văn hóa thể thao cộng đồng huyện: 6.740 triệu đồng.

1.2. Bố trí trả nợ, chuyển tiếp, khởi công mới các từ nguồn kết dư, dự phòng, khác, vượt thu... (18.981 triệu đồng)

Việc phân chia nguồn thu và phân bổ cho từng dự án hoặc nội dung chi thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch đầu tư công hàng năm.

1.3. Các nguồn thu để lại chưa cân đối vào ngân sách địa phương

Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc các nguồn vốn chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 dự kiến từ nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư CSHT là 25.791 triệu đồng.

**1.4.**Nguồn kết dư ngân sách huyện *(năm 2016 đã thực hiện phân bổ 9.811 triệu đồng)*

1.5. Nguồn dự phòng ngân sách huyện

Năm 2016, do ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ, gió lốc đã gây hư hỏng một số công trình, nếu không khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng đến đời sống dân sinh, phát triển kinh tế xã hội chung của huyện. Xét thấy, đây là những công trình cấp bách cần sửa chữa khắc phục, UBND huyện đã chủ động xuất dự phòng ngân sách đầu tư các công trình, cụ thể: cầu tràn làng Lung, xã Ya Xiêr; cầu thôn Hòa Bình, xã Sa Nghĩa; Nhà Rông văn hóa huyện Sa Thầy; Đường đi khu sản xuất làng O xã Ya Xiêr; cống, cầu dân sinh làng K’đừ, thị trấn Sa Thầy với kinh phí là 2.423 triệu đồng nhanh chóng khắc phục các công trình trên.

2. Đối với phương án phân bổ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, tỉnh (vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM) và vốn trái phiếu Chính phủ

Các nguồn vốn thuộc ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn huyện; vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện. Theo Luật Đầu tư công thì do Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Nội dung này sau khi được UBND tỉnh giao, UBND huyện báo cáo HĐND huyện biết để giám sát.

**VI. CÁC GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

1. Một số giải pháp

- Đẩy nhanh việc thực hiện huy động các nguồn vốn để triển khai xây dựng các công trình trọng điểm, các công trình hạ tầng giao thông trung tâm huyện, công trình đối ứng ngân sách tỉnh, Trung ương, công trình công cộng, văn hóa cộng đồng, dân sinh thiết thực có ảnh hướng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Giảm các khoản chi các xã và các chủ đầu tư khác thực hiện tiết kiệm chi trong từng dự án theo quy định tại Nghị quyết số 89/NQ-CP 10/10/2016 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 và Quyết định 1506/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh.

- Hạn chế việc ứng trước kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn. Trường hợp cần thiết ứng trước, phải kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm việc ứng trước kế hoạch phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và phải đảm bảo có nguồn thanh toán các khoản ứng trước.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản dự phòng chưa phân bổ chỉ được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, bất khả kháng, cấp bách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Bố trí phần vốn ngân sách nhà nước và tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao mà các tổ chức và người dân có thể tham gia được, các công trình hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn.

- Tập trung bố trí vốn để xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2016-2020 vào năm 2017. Đẩy mạnh khai thác các nguồn thu của huyện và các nguồn thu từ khai thác quỹ đất để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay. Kiên quyết không nghiệm thu công trình, các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư và các quy định khác về quản lý đầu tư xây dựng.

- Thực hiện tốt công tác dân vận ở cơ sở; vận động, tổ chức lấy ý kiến nhân dân về kế hoạch triển khai thực hiện dự án; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; giải thích cho nhân dân hiểu rõ về cơ chế, chính sách. Niêm yết đơn giá, khối lượng bồi thường công khai, minh bạch để nhân dân biết, giám sát; hạn chế tối đa việc khiếu nại, khiếu kiện.

- Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể các cấp tại cơ sở và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng, thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; công khai hóa các thông tin về công trình/dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để Ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện nhiệm vụ.

2. Biện pháp tổ chức, điều hành

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo UBND huyện để chỉ đạo, điều hành.

- Thường xuyên chỉ đạo các chủ đầu tư theo dõi, giám sát công trình để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng công trình, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức các phòng chuyên môn tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng cơ bản, nâng cao năng lực quản lý đầu tư.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định (đặc biệt là công tác giám sát, đánh giá đầu tư). Sau khi công trình hoàn thành, tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư; khẩn trương thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

**VII. KIẾN NGHỊ**

Để chủ động trong công tác điều hành triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, đề nghị Hội đồng nhân dân huyện:

1. Ủy quyền Thường trực Hội đồng nhân dân huyện:

- Quyết định phân bổ chi tiết các nguồn vốn phát sinh (ngoài các nguồn vốn tại Điều 1 Nghị quyết này) và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

- Bổ sung danh mục các dự án đầu tư cấp bách, các dự án trọng điểm, dự án cấp thiết đầu tư vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại lần điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn tại kỳ họp gần nhất theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện giao chi tiết danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án do huyện quản lý để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; trả nợ quyết toán dự án hoàn thành và các chương trình, nguồn vốn khác chưa được giao chi tiết... theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện Sa Thầy, UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện./.

1. () Toàn huyện có 49 trường, tăng 07 trường so với đầu nhiệm kỳ. [↑](#footnote-ref-2)
2. () Toàn huyện có 100% xã, thị trấn có trạm y tế. Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 là 63.64% (cơ bản đạt mục tiêu đề ra). [↑](#footnote-ref-3)
3. () Tỷ lệ cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học không ngừng tăng lên. Có trên 7 bác sỹ/1 vạn dân (năm 2011: 4.6 bác sỹ/1 vạn dân*)*. 100% số xã có bác sỹ (đạt mục tiêu đề ra); 100% thôn, làng có nhân viên y tế hoạt động. [↑](#footnote-ref-4)
4. () Có 01 thư viện huyện; 10 thư viện xã với tổng số tài liệu trên 10.000 bản sách; có 01 Nhà văn hóa; có 05/11 xã, thị trấn có Nhà văn hóa; Hệ thống nhà văn hóa thôn, làng, bưu điện - văn hóa xã, nhìn chung được xây dựng rộng khắp; có 24/75 thôn làng đạt chuẩn văn hóa. [↑](#footnote-ref-5)
5. () Toàn huyện có khoảng 25% số người luyện tập TDTT, khoảng 15% số gia đình đạt tiêu chuẩn thể thao thường xuyên; tỷ lệ trường học học đưa hoạt động TDTT vào chương trình giáo dục thể chất nề nếp đạt khoảng 100%, số trường học hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên đạt 90%; 100% cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể. [↑](#footnote-ref-6)
6. (160) Đến nay trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm dạy nghề. [↑](#footnote-ref-7)
7. (161) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 5,64%. [↑](#footnote-ref-8)
8. () Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30-01-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015. [↑](#footnote-ref-9)
9. () Một số công trình giao thông có tính kết nối liên vùng, kết nối giữa trung tâm huyện, thành phố với địa bàn các xã đặc biệt khó khăn như: Đường Tỉnh lộ 674, 675; đường Ya Tăng đi Sê San 3 - Quốc lộ 14C. [↑](#footnote-ref-10)
10. () Chính sách ưu tiên cộng điểm, tuyển dụng; thu hút cán bộ; bố trí việc làm cho sinh viên tốt nghiệp đại học... được triển khai thực hiện. [↑](#footnote-ref-11)
11. (l65) 100% số xã đã có trường học kiên cố, có 01 trường dân tộc nội trú huyện. [↑](#footnote-ref-12)
12. () Như: sốt rét, bướu cổ... [↑](#footnote-ref-13)
13. () Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 và Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-14)
14. () Bố trí trả nợ vay tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước cho Chương trình Kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn. [↑](#footnote-ref-15)